

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 19 - 6 - 2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Lê Thành Long

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2021/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn”. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 2169/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4865/2022/QĐPT ngày 08 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Việt H, sinh năm 1971 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 223B đường N, Phường 08, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: 21433 Willow Pass Shorewood.IL 60404, USA.

Người kháng cáo: Bị đơn chị Huỳnh Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn ông Phạm Việt H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Thị D kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2015, quyển số 01/2015, do Ủy ban nhân dân Phường 8, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/02/2015. Trong thời gian chung sống, giữa ông và bà Huỳnh Thị D có nhiều mâu thuẫn sâu sắc, bà Huỳnh Thị D hiện định cư ở Mỹ, ông sống tại Việt Nam, nên tình cảm không còn. Khi bà

Huỳnh Thị D về Việt Nam, hai bên cũng không gặp mặt mà chỉ liên lạc qua điện thoại, từ tháng 4/2019 cho đến nay hai bên đã ly thân. Do cả ông và bà Huỳnh Thị D đều cảm thấy không thể hàn gắn được, nên ông yêu cầu Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà Huỳnh Thị D.

Về con chung: Ông và bà Huỳnh Thị D có 03 con chung, gồm có: Phạm Việt Quỳnh A, giới tính: Nữ, sinh ngày 08/8/1999; Phạm Việt Hoàng K, giới tính: Nam, sinh ngày 17/9/2005 và Phạm Việt H Anh, giới tính: Nữ, sinh ngày 27/11/2007. Hiện cả 03 con chung đều đang sống cùng với bà Huỳnh Thị D tại Mỹ. Ông đồng ý để bà Huỳnh Thị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, và ông đồng ý cấp dưỡng cho các con chung số tiền 5.000USD/tháng (Năm ngàn đô la Mỹ) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi bằng hình thức chuyển tiền trực tiếp cho bà Huỳnh Thị D. Ông cũng đồng ý chu cấp học phí và sinh hoạt phí cho các con chung từ khi bắt đầu học Đại học cho đến khi ra trường.

Về tài sản chung: Nguyên đơn ông Phạm Việt H trình bày để ông và bà Huỳnh Thị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Huỳnh Thị D không có nợ chung.

Bị đơn bà Huỳnh Thị D trình bày:

Tại đơn ngày 12/10/2020 đã được chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 19/10/2020 về hôn nhân, bà không đồng ý ly hôn. Về con chung thì bà yêu cầu được đưa con về Việt Nam để các con có ý kiến. Về tài sản chung thì bà chưa nhận được bất kỳ sự thỏa thuận nào từ phía ông Phạm Việt H. Bà không đồng ý ly hôn nên không muốn chia tài sản nhưng nếu Tòa án phán quyết buộc ly hôn thì phải chia tài sản tại Tòa án. Nợ chung bà xác nhận không có.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 2169/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273, Điểm b Khoản 5 Điều 477, và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phạm Việt H như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Việt H được ly hôn bà Huỳnh Thị D. Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Việt H và bà Huỳnh Thị D chấm dứt, việc

đăng ký kết hôn của ông Phạm Việt H và bà Huỳnh Thị D theo giấy chứng nhận kết hôn số 04/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường 8, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/02/2015 không còn giá trị kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ba người con chung tên Phạm Việt Quỳnh A, sinh năm 1999 (đã trưởng thành); Phạm Việt Hoàng K, sinh ngày 17/9/2005 (giới tính nam) và Phạm Việt H Anh, sinh ngày 27/11/2007 (giới tính nữ) tiếp tục giao cho bà Huỳnh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5000USD/tháng (Năm ngàn đô la Mỹ) tương đương số tiền 115.760.000 đồng; mỗi trẻ là 57.880.000 đồng cho đến khi các trẻ lần lượt đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17 tháng 02 năm 2021 bị đơn bà Huỳnh Thị D kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Huỳnh Thị D trình bày do tình hình dịch Covid nên bà không về Việt Nam để tham gia vụ án được, bà không muốn ly hôn, nguyên nhân do ông H ngoại tình nên mới xảy ra mâu thuẫn nhưng bà sẽ cố gắng hàn gắn lại. Còn về con cái và tài sản do bà không muốn ly hôn nên không yêu cầu giải quyết nhưng bà nghĩ con cái ở với bà sẽ có điều kiện tốt hơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về quan hệ hôn nhân: ông H và bà D tình cảm không còn, có nhiều mâu thuẫn sâu sắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận cho ông Phạm Việt H được ly hôn đối với bà Huỳnh Thị D là có cơ sở. Về quan hệ con chung: do các con đang ở với bà D tại Hoa Kỳ nên để ổn định môi trường sinh sống, học tập của các trẻ Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc bà D tiếp tục nuôi dưỡng các trẻ và ông H cấp dưỡng 5.000USD/tháng cho đến khi các trẻ đủ 18 tuổi, đồng thời chu cấp học phí và sinh hoạt cho các con chung từ khi bắt đầu học Đại học đến khi ra trường là phù hợp. Về tài sản không ai yêu cầu giải quyết. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Việt H và bà Huỳnh Thị D có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông H trình bày khoảng thời gian từ năm 2001 đến 2004, hai vợ chồng ly thân nhưng vì con còn nhỏ nên sau đó hai bên quay lại hàn gắn và có thêm 02 con chung nhưng mâu thuẫn vẫn không giải quyết được, nguyên nhân xuất phát từ việc trước khi chung sống với ông, bà D có một đời chồng và có người con

traí riêng; giữa ông và bà D mâu thuẫn phần lớn xuất phát từ người con riêng kể trên; bên cạnh đó ông là người nuôi dưỡng cung cấp tiền bạc từ những năm người con riêng này lên 07 tuổi; bà D không có sự tôn trọng ông và gia đình ông. Các tin nhắn mà ông cung cấp cho thấy hai bên luôn có những từ ngữ xúc phạm lăng mạ lẫn nhau; hai bên đã ly thân từ tháng 06/2019 cho đến nay. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D cũng trình bày hai vợ chồng bà ở Mỹ một thời gian thì ông H về nước và ngoại tình nên xảy ra mâu thuẫn nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ có thể hàn gắn nên bà không muốn ly hôn.

Xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng là phải xuất phát từ hai bên, ông H và bà D đã có mâu thuẫn sâu sắc và không thể hàn gắn được nữa, nếu tiếp tục sẽ khiến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông Phạm Việt H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ông Phạm Việt H được ly hôn đối với bà Huỳnh Thị D là có cơ sở. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của ông H là có căn cứ.

Về con chung: Ông Phạm Việt H và bà Huỳnh Thị D có 03 con chung tên Phạm Việt Quỳnh A, sinh năm 1999 (đã trưởng thành); Phạm Việt Hoàng K, sinh ngày 17/9/2005 và Phạm Việt H Anh, sinh ngày 27/11/2007. Hiện cả 03 con chung đều đang sống cùng với bà Huỳnh Thị D tại Mỹ. Ông H đồng ý để bà Huỳnh Thị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, và ông cấp dưỡng cho các con chung số tiền 5.000USD/tháng (Năm ngàn đô la Mỹ) cho đến khi hai cháu Phạm Việt H Anh và Phạm Việt Hoàng K lần lượt đủ 18 tuổi bằng hình thức chuyển tiền trực tiếp cho bà Huỳnh Thị D. Ông cũng đồng ý chu cấp học phí và sinh hoạt phí cho các con chung từ khi bắt đầu học Đại học cho đến khi ra trường. Tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng bà D cho rằng Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao con cho bà nuôi là phù hợp. Bà D cho rằng các con của bà cũng đồng ý với ý kiến của bà.

Xét, hiện các con chung của ông bà đang sống và học tập tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ cùng bà D, nên để ổn định môi trường sinh sống, học tập của các trẻ, tránh mất cân bằng trong điều kiện sống, nhằm phát triển cả thể chất và tinh thần của các trẻ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc bà D tiếp tục nuôi dưỡng con chung và ông H cấp dưỡng 5.000USD/tháng cho đến khi các trẻ đủ 18 tuổi, đồng thời chu cấp học phí và sinh hoạt cho các con chung từ khi bắt đầu học Đại học đến khi ra trường là phù hợp.

Về tài sản chung: Ông Phạm Việt H yêu cầu tự thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D trình bày nếu Tòa án chấp nhận cho ly hôn thì bà muốn chia tài sản. Tuy nhiên xét tại cấp sơ thẩm bà D không yêu cầu giải quyết về tài sản. Do vậy, HĐXX phúc thẩm không thể giải quyết. Nếu sau này các bên không thỏa thuận được về tài sản thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Ông Phạm Việt H và bà Huỳnh Thị D khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị D.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Tuyên xử:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phạm Việt H như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Việt H được ly hôn với bà Huỳnh Thị D. Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Việt H và bà Huỳnh Thị D chấm dứt, việc đăng ký kết hôn của ông Phạm Việt H và bà Huỳnh Thị D theo giấy chứng nhận kết hôn số 04/2015, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường 8, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/02/2015 không còn giá trị kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ba người con chung tên Phạm Việt Quỳnh A, sinh năm 1999 (đã trưởng thành); Phạm Việt Hoàng K, sinh ngày 17/9/2005 (giới tính nam) và Phạm Việt H Anh, sinh ngày 27/11/2007 (giới tính nữ) tiếp tục giao cho bà Huỳnh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi hai cháu Phạm Việt Hoàng K và Phạm Việt H Anh số tiền 5.000USD/tháng (Năm ngàn đô la Mỹ) tương đương số tiền 115.760.000 đồng; mỗi cháu là 57.880.000 đồng cho đến khi các trẻ lần lượt đủ 18 tuổi.

II. Án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị D phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001004 ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ.

III. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Đương sự (2)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) 14b (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Huyền Vân